

THE EMPLOYMENT STATUS OF BACHELOR OF NUTRITION IN VIETNAM IN 2023

Do Thi Huyen Trang¹, Nguyen Thuy Linh², Pham Huu Minh³, Nguyen Phuong Mai¹,
Trinh Thi Hong Nhung¹, Trinh Thi Nguyet¹, Do Nam Khanh^{2*}

¹Hanoi Medical University, Thanh Hoa Campus - 722 Quang Trung Street, Dong Ve Ward, Thanh Hoa City,
Thanh Hoa Province, Vietnam

²Hanoi Medical University - No.1, Ton That Tung, Dong Da, Hanoi, Vietnam

³VinUniversity - Vinhomes Ocean Park, Gia Lam, Hanoi, Vietnam

Received: 21/02/2024

Revised: 30/03/2024; Accepted: 09/05/2024

ABSTRACT

Objectives: (1) Describing the employment status of Bachelor of Nutrition, (2) Describing job position suitability and the difficulties of Bachelor of Nutrition faced when working in field of clinical nutrition.

Methods: A cross-sectional study, using an online survey conducted on 278 subjects of 6 Bachelor of Nutrition courses graduated in Hanoi Medical University.

Results: The highest percentage of nutrition bachelors working at hospitals accounted for 37% and tends to decrease from course I to course VI. Professional suitability with job positions is highly appreciated in nutrition departments, nutrition clinics/consultants, and food processing companies. The difficulties that BN faced in field of clinical nutrition is not being able to participate in nutrition consultations, not being examined and assessed nutrition status for patients.

Conclusion: The most of Bachelor of Nutrition are working on field of clinical nutrition, and on fields suitable for their profession. However, they have faced many limitations due to the lack of policies regulating functions and tasks on professional activities.

Keywords: Employment status, Bachelor of Nutrition, clinical nutrition.

*Corresponding author

Email address: donamkhanh@hmu.edu.vn

Phone number: (+84) 983616365

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i4.1216>

THỰC TRẠNG VIỆC LÀM CỦA CỬ NHÂN DINH DƯỠNG VIỆT NAM NĂM 2023

Đỗ Thị Huyền Trang¹, Nguyễn Thùy Linh², Phạm Hữu Minh³, Nguyễn Phương Mai¹,
Trịnh Thị Hồng Nhung¹, Trịnh Thị Nguyệt¹, Đỗ Nam Khánh^{2*}

¹Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa - Số 722 đường Quang Trung,
phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa, Việt Nam.

²Trường Đại học Y Hà Nội - Số 1, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

³Trường Đại học VinUni - Vinhomes Ocean Park, Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam.

Ngày nhận bài: 21/02/2024

Ngày chỉnh sửa: 30/03/2024; Ngày duyệt đăng: 09/05/2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: (1) Mô tả thực trạng việc làm của cử nhân dinh dưỡng, (2) Mô tả sự phù hợp vị trí việc làm và khó khăn của cử nhân dinh dưỡng trong lĩnh vực dinh dưỡng lâm sàng.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang, sử dụng bộ câu hỏi khảo sát trực tuyến trên 278 cử nhân dinh dưỡng tốt nghiệp trường Đại học Y Hà Nội.

Kết quả: Tỷ lệ cử nhân dinh dưỡng làm việc tại bệnh viện cao nhất chiếm 37 % và có xu hướng giảm dần từ khóa I đến khóa VI. Sự phù hợp chuyên môn với vị trí việc làm được đánh giá cao ở khoa dinh dưỡng trong bệnh viện, phòng khám/tư vấn dinh dưỡng và các công ty chế biến thực phẩm. Khó khăn mà cử nhân dinh dưỡng gặp phải trong lâm sàng là không được tham gia hội chẩn dinh dưỡng, không được khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh.

Kết luận: Đa số cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp làm việc trong lĩnh vực dinh dưỡng lâm sàng và phù hợp với chuyên môn. Tuy nhiên, cử nhân dinh dưỡng gặp nhiều hạn chế do thiếu các chính sách quy định chức năng, nhiệm vụ trong hoạt động chuyên môn.

Từ khóa: Thực trạng việc làm, cử nhân dinh dưỡng, dinh dưỡng lâm sàng.

*Tác giả liên hệ:

Email: donamkhanh@hmu.edu.vn

Điện thoại: (+84) 983616365

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i4.1216>



1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dinh dưỡng từ lâu đã được xem như một phương pháp điều trị. Hippocrate, ông tổ ngành y cho rằng: “thức ăn cho bệnh nhân là một phương tiện điều trị và trong phương tiện điều trị không thể thiếu những chất dinh dưỡng”. Cuối thế kỷ XVII, Antoine Laurent Lavoisier được xem là cha đẻ của ngành khoa học dinh dưỡng hiện đại, ông đã đặt nền móng cho khoa học nghiên cứu về các chất dinh dưỡng và sự chuyển hóa từ đó thay đổi chế độ ăn cho phù hợp với từng bệnh [1].

Ngày nay, định nghĩa nghề Dinh dưỡng là một nghề liên quan đến thực phẩm và sức khỏe, được phân thành nhiều lĩnh vực như: dinh dưỡng lâm sàng, dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng học đường, vệ sinh và an toàn thực phẩm và nghiên cứu khoa học dinh dưỡng [2]. Từ năm 2011, Việt Nam đã chú trọng đến các vấn đề dinh dưỡng và đưa ra nhiều chính sách để đạt được những mục tiêu quan trọng của Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng. Năm 2013, trường Đại học Y Hà Nội là trường đại học đầu tiên được Bộ Giáo dục và đào tạo đồng ý cấp mã ngành đào tạo Cử nhân dinh dưỡng. Đến nay, đã có 8 trường Đại học trên cả nước tham gia vào đào tạo mã ngành này và có gần 800 cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp đang tham gia vào lực lượng lao động của ngành y tế. Tuy nhiên, sau 10 đào tạo, một số chính sách cho cử nhân dinh dưỡng vẫn còn hạn chế như chưa được đưa vào đối tượng được cấp chứng chỉ hành nghề, chưa có danh mục kỹ thuật cho cử nhân dinh dưỡng trong lĩnh vực lâm sàng và một số chính sách liên quan đến vị trí việc làm.

Để tìm hiểu thực trạng công việc và những khó khăn của cử nhân dinh dưỡng Việt Nam đang gặp phải, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: **“Thực trạng việc làm của cử nhân dinh dưỡng Việt Nam năm 2023”**, với hai mục tiêu sau:

1. Mô tả thực trạng việc làm của cử nhân Dinh dưỡng đã tốt nghiệp trường Đại học Y Hà Nội, năm 2023
2. Mô tả sự phù hợp vị trí việc làm và khó khăn của cử nhân Dinh dưỡng trong lĩnh vực dinh dưỡng lâm sàng

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu cắt ngang

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 6/2023 đến tháng 12 năm 2023

Địa điểm nghiên cứu

Trường Đại học Y Hà Nội

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn lựa chọn

Tất cả cử nhân dinh dưỡng sáu khóa đã tốt nghiệp tại trường Đại học Y Hà Nội tính đến thời gian nghiên cứu ít nhất một năm

Tiêu chuẩn loại trừ

Đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

Cỡ mẫu: toàn bộ.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện, toàn bộ những cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp tại trường Đại học Y Hà Nội ít nhất một năm được gửi thư mời tham gia nghiên cứu và link khảo sát trực tuyến qua địa chỉ email.

Thực tế, có 283 cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp được gửi bộ câu hỏi khảo sát và có 278 đối tượng tham gia, phản hồi nghiên cứu. Tỷ lệ phản hồi 98%.

2.5. Biến số, chỉ số

Bộ câu hỏi bao gồm 04 phần:

- Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu
- Thực trạng việc làm của cử nhân dinh dưỡng tại các cơ sở:
 - Đánh giá sự phù hợp giữa năng lực của cử nhân dinh dưỡng và các vị trí việc làm tại: Khoa Dinh dưỡng bệnh viện, trung tâm y tế/CDC, phòng khám tư vấn dinh dưỡng, các Viện nghiên cứu, trường Đại học, cao đẳng; dinh dưỡng học đường; công ty thực phẩm/dinh dưỡng; cơ quan quản lý.
 - Thực trạng khó khăn của cử nhân dinh dưỡng khi không có chứng chỉ hành nghề: Không được tham gia hội chẩn, không được khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho bệnh nhân, không được tư vấn dinh dưỡng, không được truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho người bệnh và các khó khăn khác.

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Kỹ thuật phỏng vấn gián tiếp bằng bộ câu hỏi khảo sát trực tuyến: Thực trạng việc làm và một số yếu tố thuận

lợi, khó khăn trong hành nghề của cử nhân dinh dưỡng. Bộ câu hỏi được thiết kế sẵn và gửi link qua email cho các đối tượng nghiên cứu.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được xuất bằng file Excel và được nhập, làm sạch bằng phần mềm Stata 12.0. Các biến số được mô tả phần tỷ lệ phần trăm.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu viên gửi email mô tả mục đích nghiên cứu, đối tượng tham gia nghiên cứu có quyền từ chối tham gia nghiên cứu hoặc dừng trả lời bộ câu hỏi khảo sát bất cứ lúc nào. Thông tin đối tượng nghiên cứu hoàn toàn được bảo mật. Số liệu nghiên cứu chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ

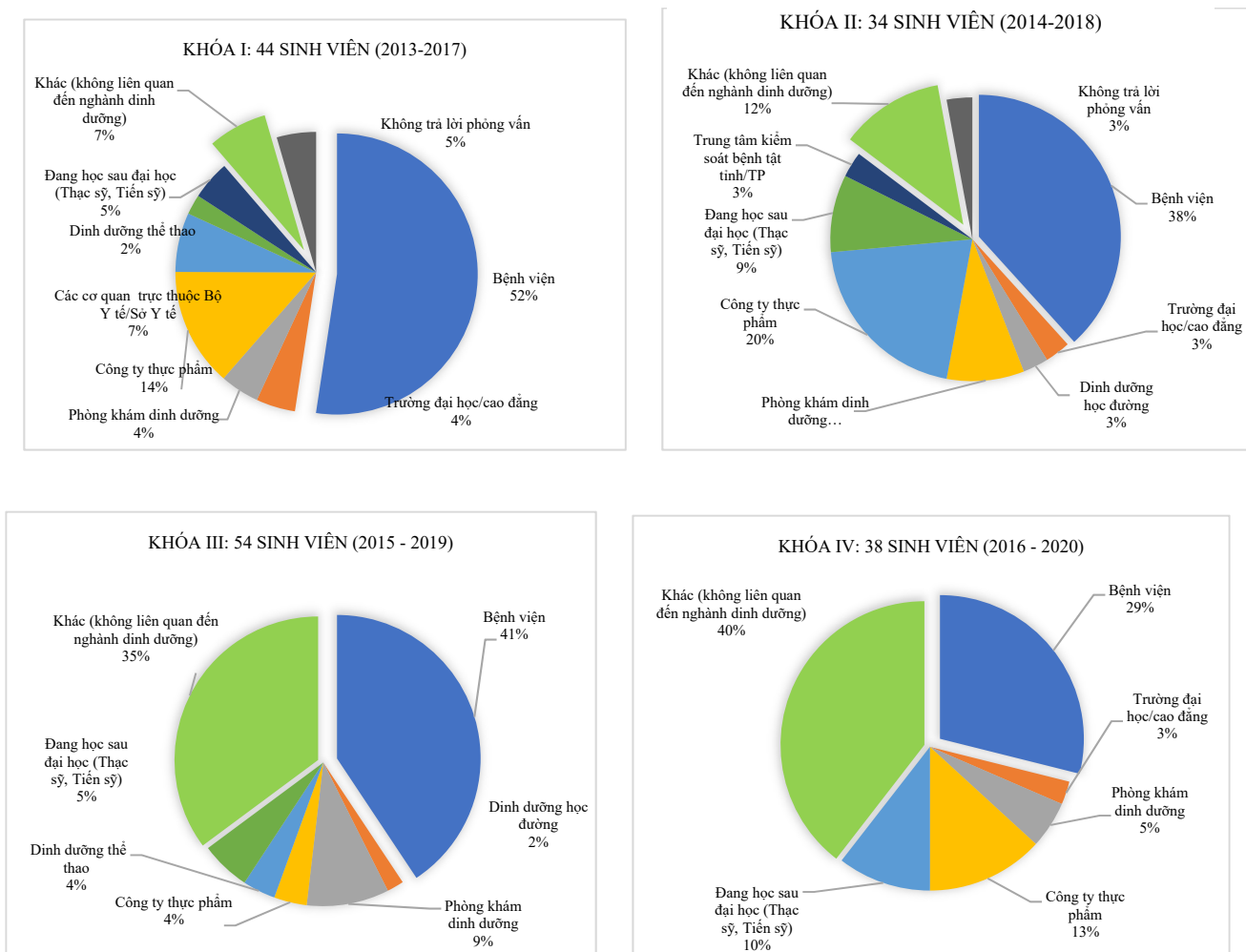
3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

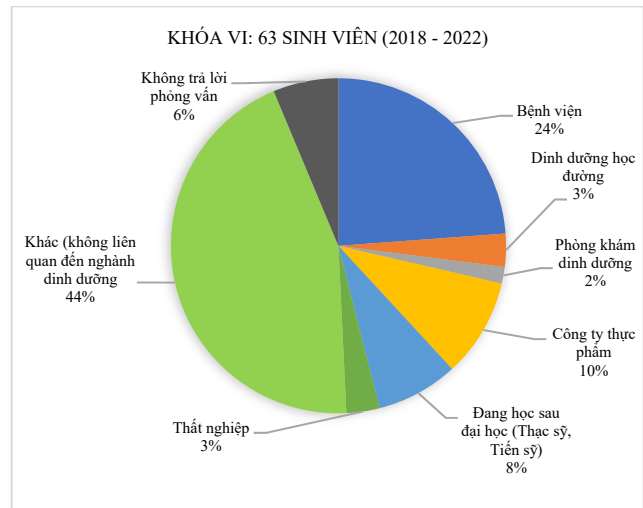
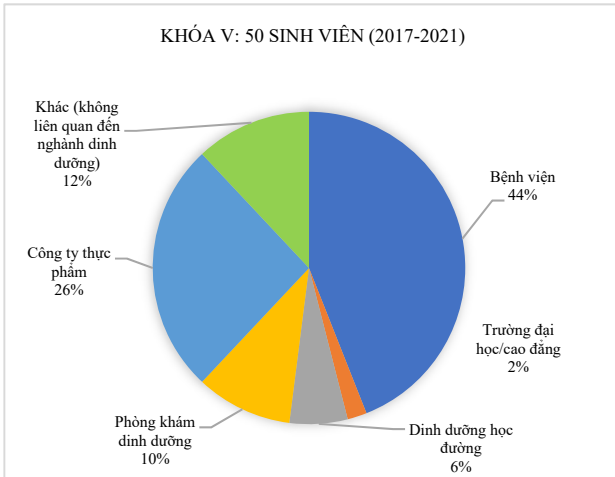
Chúng tôi gửi khảo sát cho tất cả 283 cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp ra trường ít nhất một năm tại trường Đại học Y Hà Nội, bao gồm 6 khóa. Trong đó, khóa I có 44 sinh viên (15,6%), khóa II có 34 sinh

viên (12,0%), khóa III có 54 sinh viên (19,0%), khóa IV có 38 sinh viên (13,4%), khóa V có 50 sinh viên (17,7%) và khóa VI có 63 sinh viên (22,3%). Tỷ lệ phản hồi đạt 98%.

3.2. Thực trạng việc làm và sự phù hợp với vị trí việc làm của cử nhân dinh dưỡng

Biểu đồ 3.1. Thực trạng việc làm của sinh viên CNDD các khóa I-VI đã tốt nghiệp (n=283).

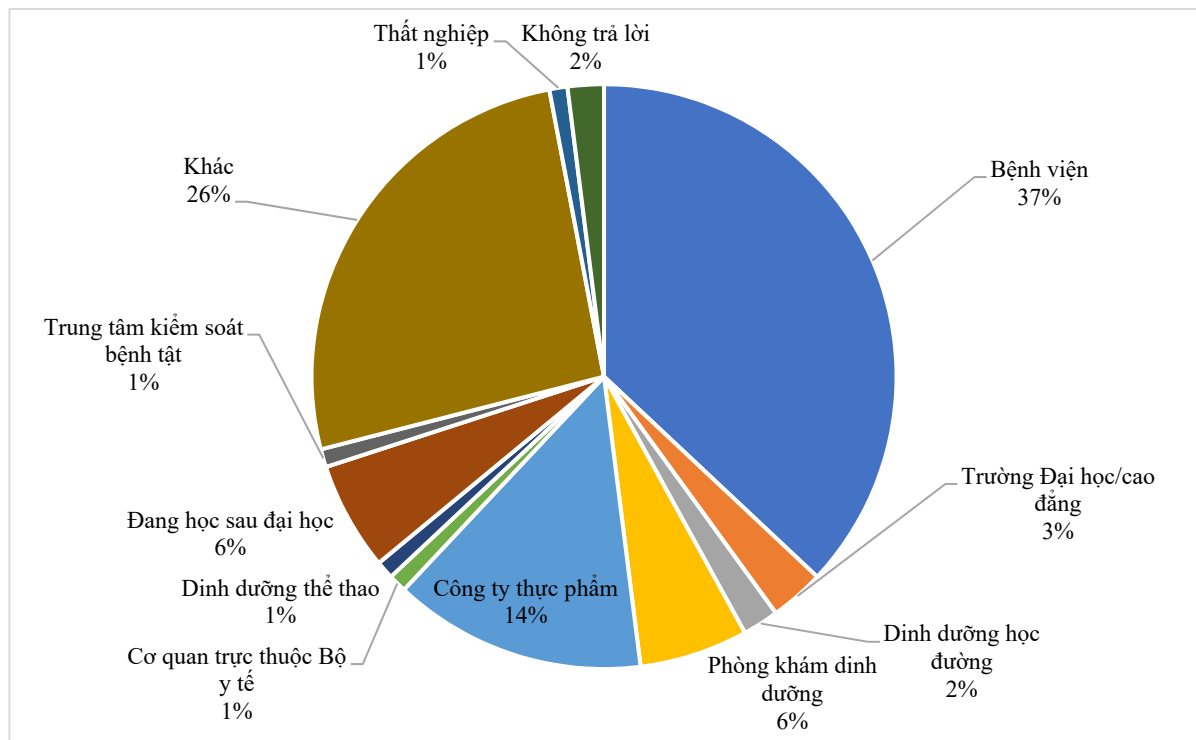




Kết quả nghiên cứu thực trạng việc làm của cử nhân dinh dưỡng cho thấy tỷ lệ cử nhân dinh dưỡng làm việc tại các bệnh viện giảm từ 52% trong khóa I xuống còn 24% trong khóa VI, cử nhân dinh dưỡng chưa có việc

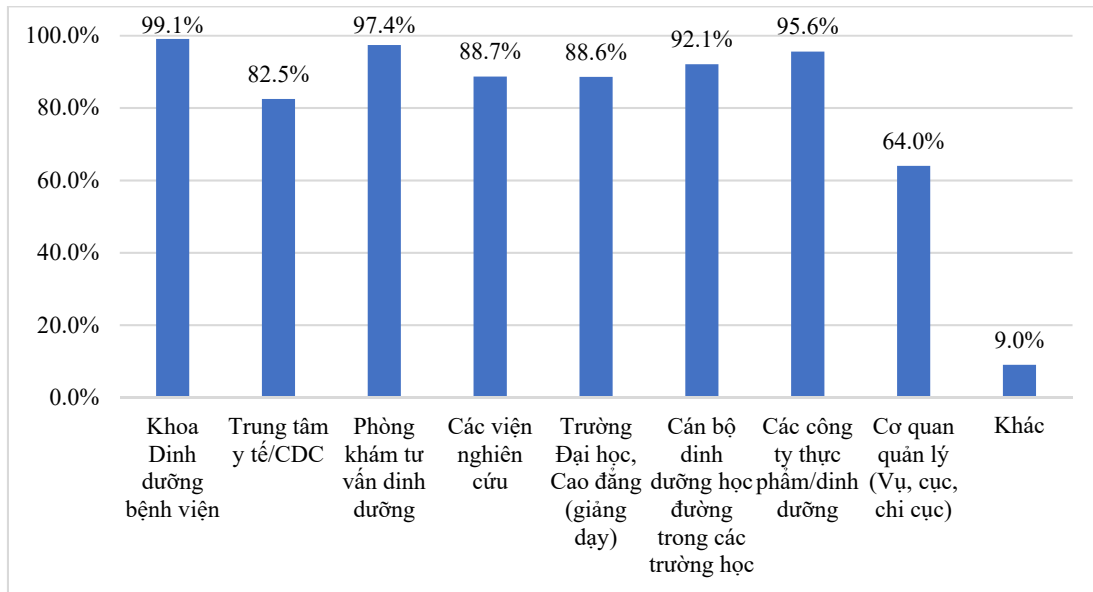
làm hoặc tham gia các lĩnh vực không liên quan đến dinh dưỡng tăng từ 6,8% khóa I lên 44% trong khóa VI. Tỷ lệ cử nhân tham gia làm việc từ trong các công ty thực phẩm tăng từ 10% khóa I lên 26% khóa V và giảm về 10% ở khóa VI.

Biểu đồ 3.2. Thực trạng việc làm của cử nhân dinh dưỡng tại các đơn vị (n=283)



Nhìn chung, tỷ lệ cử nhân dinh dưỡng đang làm việc tại các đơn vị có liên quan đến chuyên môn là 71%. Bệnh viện là nơi cử nhân dinh dưỡng đang công tác chiếm tỷ lệ cao nhất với 37%.

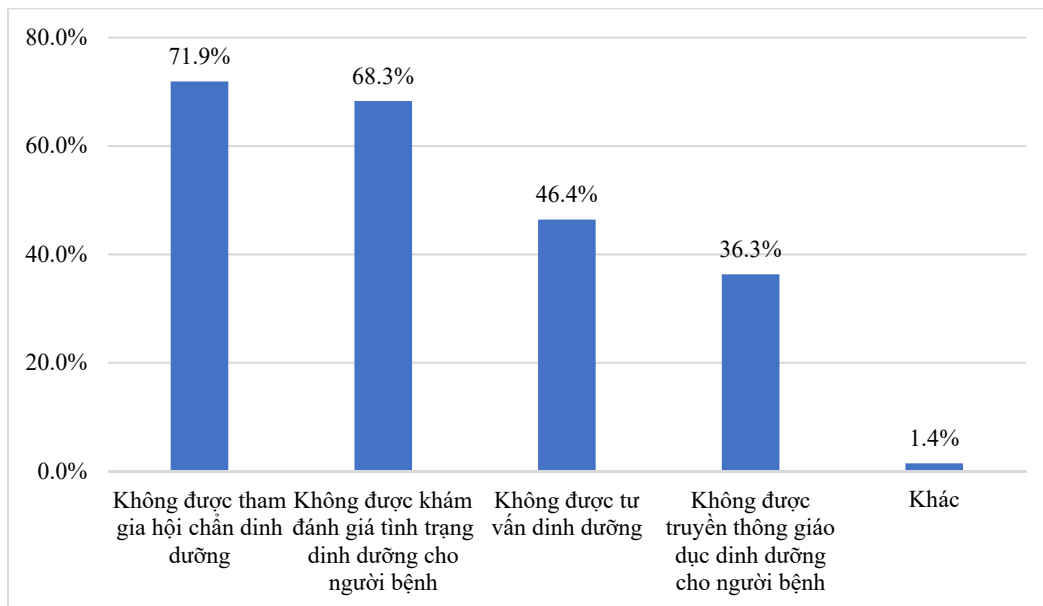
Biểu đồ 3.3. Sự phù hợp của vị trí việc làm đối với cử nhân dinh dưỡng (n = 278)



Theo đánh giá của các cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp những vị trí việc làm phù hợp nhất là công tác tại khoa dinh dưỡng bệnh viện (chiếm 99,1%), phòng khám tư vấn dinh dưỡng (97,4%), làm việc tại các công ty thực phẩm/dinh dưỡng (95,6%) và dinh dưỡng học đường tại các trường học (92,1%). Ngoài ra các vị trí

tại Trung tâm y tế, viện nghiên cứu và các trường đại học cũng được cho là những vị trí việc làm phù hợp với tỷ lệ đồng ý hơn 80%. Vị trí việc làm tại các cơ quan quản lý trực thuộc Bộ y tế/Sở y tế có mức độ đánh giá phù hợp với cử nhân dinh dưỡng thấp hơn với 64,0%.

Biểu đồ 3.4. Một số khó khăn của cử nhân Dinh dưỡng trong lĩnh vực lâm sàng



Kết quả khảo sát từ 278 cử nhân dinh dưỡng về khó khăn trong khi làm việc mà không có chứng chỉ tại các cơ sở y tế cho thấy những khó khăn đa phần gặp phải là: cử nhân dinh dưỡng không được tham gia hội chẩn dinh dưỡng, không được khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh; không được tư vấn dinh dưỡng và không được truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho người bệnh.

4. BÀN LUẬN

Theo Thông tư số 18/2020/TT-BYT tháng 11 năm 2020 Hướng dẫn hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện nêu tại Điều 6 Chương III quy định bệnh viện nếu có 100 giường bệnh trở lên phải thành lập khoa Dinh dưỡng và mỗi 100 giường bệnh phải có tối thiểu 01 người làm chuyên môn về dinh dưỡng [3]. Nghiên cứu



của tác giả Nguyễn Thùy Linh năm 2020 cho thấy, trong 28 cơ sở bệnh viện các cấp số lượng cán bộ trong khoa Dinh dưỡng trung bình là $8,9 \pm 5,1$ người, trong đó nhiều nhất là số lượng bác sĩ đa khoa ($1,9 \pm 1,7$ người) và cử nhân điều dưỡng ($2,0 \pm 2,4$ người), cử nhân dinh dưỡng thấp hơn với $1,8 \pm 2,2$ người và nhu cầu tuyển dụng nhân lực dinh dưỡng tại các Khoa/trung tâm bệnh viện là $7,1 \pm 3,5$ người còn cao hơn nhu cầu tuyển dụng tại các đơn vị ngoài bệnh viện ($3,4 \pm 3,6$ cán bộ) [4]. Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát vị trí việc làm của cử nhân dinh dưỡng 6 khóa có thể thấy tỷ lệ cử nhân dinh dưỡng tốt nghiệp ra trường làm việc tại các cơ sở bệnh viện đang giảm dần từ 52% xuống còn 24%. Qua đó có thể thấy nhu cầu tuyển dụng cử nhân dinh dưỡng vào vị trí khoa Dinh dưỡng trong các bệnh viện còn cao nhưng tỷ lệ cử nhân dinh dưỡng lựa chọn làm việc trong các bệnh viện lại đang giảm xuống.

Tương ứng với năng lực đào tạo chuyên ngành cử nhân dinh dưỡng thì các vị trí việc làm được đánh giá phù hợp nhất với chuyên môn được đào tạo là: khoa dinh dưỡng trong bệnh viện, tư vấn dinh dưỡng tại các phòng khám, các công ty thực phẩm liên quan đến chế biến thực phẩm và dinh dưỡng và dinh dưỡng học đường. Tuy nhiên, sau 6 khóa cử nhân dinh dưỡng tốt nghiệp thì chỉ có 18/278 cử nhân dinh dưỡng đang tham gia công tác tại trường học với vị trí dinh dưỡng học đường. Tại Nhật Bản, cử nhân dinh dưỡng cũng đảm nhiệm các vị trí việc làm tương tự như tại Việt Nam. Tuy nhiên, Nhật Bản rất chú trọng vai trò của dinh dưỡng học đường. Năm 2005, cử nhân dinh dưỡng tại Nhật Bản bắt đầu được cấp chứng chỉ hành nghề trong dinh dưỡng học đường và đến năm 2014 có khoảng 12.143 dinh dưỡng viên làm việc trong lĩnh vực này và trong số đó có 5.021 dinh dưỡng viên đảm nhận vai trò giáo viên dinh dưỡng tại các trường học [5].

Kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thùy Linh, khó khăn lớn nhất trong hành nghề mà dinh dưỡng viên gặp phải là không được cấp chứng chỉ hành nghề, điều này làm hạn chế khả năng thực hiện các công tác chuyên môn [4]. Trong nghiên cứu của chúng tôi kết quả nghiên cứu cho thấy những khó khăn mà hơn 80% dinh dưỡng viên gặp phải khi không có chứng chỉ hành nghề là: không được tham gia vào hội chẩn; không được khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh. Các hoạt động tư vấn dinh dưỡng và truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho người bệnh cũng gặp tỷ lệ khó khăn từ 44 – 56%. Trong khi, những công việc trên lại

hoàn toàn phù hợp với năng lực của một cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp. Những hạn chế này góp phần vào việc lựa chọn vị trí việc làm của cử nhân dinh dưỡng. Cụ thể, những vị trí liên quan đến dinh dưỡng lâm sàng tại các bệnh viện, phòng khám đang giảm đi trong khi cử nhân dinh dưỡng lựa chọn các công việc tại công ty thực phẩm tăng từ 10% trong khóa I lên 26% trong khóa V, các lĩnh vực khác hoặc chưa có việc làm tăng từ 6,8% trong khóa I lên gần 50% trong khóa VI.

5. KẾT LUẬN

Kết quả từ cuộc khảo sát cho thấy, tỷ lệ cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp đang công tác tại các cơ sở bệnh viện, phòng khám giảm dần và tỷ lệ cử nhân dinh dưỡng tham gia vào lĩnh vực khác không phù hợp với chuyên môn hoặc chưa có việc làm đang có xu hướng tăng cao. Đa số các đối tượng đánh giá năng lực của cử nhân dinh dưỡng đã tốt nghiệp phù hợp với các vị trí việc làm, tuy nhiên do thiếu chứng chỉ hành nghề mà khả năng thực hiện các hoạt động chuyên môn của dinh dưỡng viên trong lĩnh vực dinh dưỡng lâm sàng còn rất hạn chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Thị Yến Phi, Dinh dưỡng học. Nhà xuất bản Y học; 2020, trang 4.
- [2] Ma Y, Tran T, Tran T et al., The Employment Status and the Need for Issuing Practising Certificates to Bachelors of Nutrition in Vietnam in 2021. 2022 Sep 11;03:2021.
- [3] LuậtVietnam, LuậtVietnam. [cited 2024 Jan 26]. Thông tư 18/2020/TT-BYT quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện. Available from: <https://luatvietnam.vn/y-te/thong-tu-18-2020-tt-byt-quy-dinh-ve-hoat-dong-dinh-duong-trong-benh-vien-194089-d1.html>
- [4] Thực trạng sử dụng và nhu cầu nhân lực cử nhân dinh dưỡng Việt Nam năm 2020 [Internet]. [cited 2024 Jan 26]. Available from: <https://tapchinhienquyhoc.vn/index.php/tencyh/article/view/305/242>
- [5] Kaneda M, Yamamoto S, The Japanese School Lunch and Its Contribution to Health. Nutr Today. 2015 Nov 1;50:268–72.